TOÀ ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-11-2019
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh, bà Mai Thị Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đồng Văn C, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 1, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm 4, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Đồng Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận kết hôn số 14, ngày 27/02/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Q không chung thủy, có quan hệ với người đàn ông khác và đã có con riêng với họ. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Q.

Về con: Vợ chồng không có con chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 02/10/2019 và trong quá trình hòa giải, bị đơn Nguyễn Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian và điều kiện kết hôn như anh C trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2017 đến nay. Nay anh C làm đơn ly hôn, chị xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với anh C.

Về con: Vợ chồng không có con chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Đồng Văn C có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị Q. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị Nguyễn Thị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị Q.

[2] Về hôn nhân: Anh Đồng Văn C và chị Nguyễn Thị Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh C trình bày là do chị Q có quan hệ với người đàn ông khác và đã có con riêng với họ, còn theo chị Q trình bày là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị Q cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị không đồng ý ly hôn, nhưng chị không có động thái gì để níu kéo hạnh phúc gia đình, không có thiện chí bàn bạc để vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau. Tại phiên tòa, chị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy tại bản tự khai và trong biên bản hòa giải chị Q đã trình bày vợ chồng chung sống không hạnh phúc do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2017 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó HĐXX chấp nhận đơn của anh C, cho anh C được ly hôn chị Q là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con: Hai bên đương sự đều trình bày vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về tài sản: Hai bên đương sự đều trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Anh Đồng Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đồng Văn C, cho anh C được ly hôn chị Nguyễn Thị Q.

2. Về án phí: Anh Đồng Văn C phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2018/0005957 ngày 27/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, anh C đã nộp đủ án phí DSST.

Về quyền kháng cáo: Anh Đồng Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- UBND xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Nam Tiến